

VẬN DỤNG MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC KẾT HỢP HỌC TẬP HỢP TÁC TRONG DẠY HỌC MÔN “SINH LÝ TRẺ EM LỨA TUỔI TIỂU HỌC” CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

Trần Văn Thế

Khoa Giáo dục Sớm và Tiểu học, trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN

Email: thetv@vnu.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu về tác động của phương pháp học tập hợp tác kết hợp lớp học đảo ngược lên sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, nhằm thảo luận về những hiệu quả của phương pháp này. Nghiên cứu tiến hành so sánh một lớp thực nghiệm (N = 45) áp dụng phương pháp học tập hợp tác kết hợp lớp học đảo ngược với một lớp đối chứng (N = 46) áp dụng phương pháp học tập hợp tác truyền thống. Kết quả cho thấy phương pháp học tập hợp tác kết hợp lớp học đảo ngược có thể nâng cao đáng kể thành tích học tập, sự hài lòng với môn học và thái độ học tập hợp tác của sinh viên. Đồng thời, sự tham gia học tập và hiệu quả tự học trên web cũng được phát hiện có tác động tích cực đến thành tích học tập và sự hài lòng với môn học của sinh viên. Các phát hiện này gợi ý rằng việc ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược kết hợp học tập hợp tác có thể mang lại hiệu quả giáo dục tích cực.

Từ khóa: lớp học đảo ngược, giáo dục tiểu học, học tập hợp tác.

APPLYING THE FLIPPED CLASSROOM MODEL COMBINED WITH COLLABORATIVE LEARNING IN TEACHING THE COURSE “CHILD PHYSIOLOGY AT THE PRIMARY SCHOOL AGE” FOR PRIMARY EDUCATION STUDENTS AT THE VNU UNIVERSITY OF EDUCATION

Tran Van The

Faculty of Early Childhood and Primary Education, University of Education – Vietnam National University, Hanoi

Email: thetv@vnu.edu.vn

Abstract: This study investigates the impact of integrating cooperative learning with the flipped classroom model on students majoring in Primary Education, aiming to examine the effectiveness of this instructional approach. The research involved a comparison between an experimental group (N = 45), which adopted the integrated method of cooperative learning and flipped classroom, and a control group (N = 46), which followed a traditional cooperative learning approach. The findings indicate that the integrated model significantly enhances students' academic performance, course satisfaction, and attitudes toward cooperative learning. Moreover, students' engagement and the effectiveness of self-directed web-based learning were found to positively influence academic achievement and course satisfaction. These results suggest that the implementation of flipped classrooms model in conjunction with cooperative learning can lead to beneficial educational outcomes.

Keywords: flipped classroom, primary education, cooperative learning.

Nhận bài: 25/04/2025

Phản biện: 15/5/2025

Duyệt đăng: 20/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dạy học theo nhóm là mô hình phổ biến hiện nay nhưng vẫn mang tính hướng dẫn một chiều, khiến sinh viên thiếu tư duy tích cực và khả năng tiếp thu không đồng đều. Để khắc phục, mô hình lớp học đảo ngược – nơi sinh viên tự học trước ở nhà và tham gia học tập hợp tác trong lớp – đã được đề xuất và ngày càng phổ biến. Mô hình này thúc đẩy học tập cá nhân hóa, tăng hứng thú và khả năng tư duy nhờ tương tác giữa sinh viên với nhau và với giảng viên.

Dựa trên lý thuyết kiến tạo và học tập xã hội, lớp học đảo ngược coi việc học là một hoạt động xã hội hóa, kết hợp tự học và thảo luận chuyên sâu. Trong bối cảnh công nghệ phát triển, lớp học đảo ngược trở thành xu hướng học tập kỹ thuật số, giúp chuyển vai trò giảng viên từ truyền đạt sang đối thoại. Nhiều nghiên cứu cho thấy mô hình này

cải thiện tư duy phản biện, hiểu biết thông tin và tương tác giữa sinh viên.

Nghiên cứu này áp dụng mô hình học tập hợp tác kết hợp lớp học đảo ngược cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong học phần Sinh lý trẻ em, nhằm đánh giá ảnh hưởng đến kết quả học tập, thái độ với công nghệ, học tập hợp tác và mức độ hài lòng. Kết quả có thể gợi mở khả năng áp dụng mô hình vào các môn học khác trong đào tạo giáo viên Tiểu học.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Lớp học đảo ngược

Lớp học đảo ngược không phải là một mô hình giảng dạy mới, nhưng sự phát triển của công nghệ số đã làm cho nó trở nên nổi bật trở lại, cho phép sinh viên tiếp nhận thông tin mọi lúc mọi nơi và hợp tác với bạn bè. Trong kỷ nguyên số, dạy học

theo lớp học đảo ngược được thiết kế như một mô hình dạy học kết hợp, trong đó công nghệ số truyền tải kiến thức học tập thụ động ngoài chương trình chính thức, trong khi sinh viên xây dựng các khái niệm học tập chủ động hơn thông qua học tập tích cực. Trong lớp học đảo ngược, sinh viên có khả năng kiểm soát tốc độ và lịch trình học tập của riêng mình. Giảng viên trở thành người quan sát, hướng dẫn, đưa ra nhận xét và hỗ trợ để đạt được hiệu quả trong học tập của sinh viên (Flumerfelt & Green, 2013).

Việc ứng dụng lớp học đảo ngược trong dạy học đã cho thấy hiệu quả học tập tích cực với sinh viên. Sinh viên vừa thích tự xem video hướng dẫn vừa thích các hoạt động học tập tương tác trong lớp học (Wong và cộng sự, 2014; Moraros và cộng sự, 2015). Các nghiên cứu cho thấy, sinh viên xem video bên ngoài lớp học nhưng tham gia học tập tương tác trong lớp học có kết quả học tập vượt trội hơn, có thể thúc đẩy đáng kể khả năng hiểu biết thông tin và tư duy phản biện của sinh viên. Hơn nữa, giảng viên và sinh viên có nhiều thời gian thảo luận nhóm hơn, tăng cường chia sẻ thông tin và thảo luận giữa các bạn sinh viên (Kong, 2014).

2.2. Tham gia học tập

Sự tham gia trong học tập có nghĩa là việc người học (học sinh, sinh viên,...) chủ động và tích cực tham gia vào quá trình học tập của mình. Đây là một khái niệm quan trọng trong giáo dục, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học một cách chủ động và tương tác thay vì chỉ ngồi thụ động nghe giảng. Các nghiên cứu chỉ ra rằng sự tham gia học tập là hành động tự nguyện của cá nhân, thể hiện sự đầu tư các nguồn lực và cam kết vào quá trình học tập. Trong môi trường học tập dựa trên internet, việc giảng dạy không bị giới hạn về không gian và thời gian, cho phép sinh viên học ở bất cứ đâu và sắp xếp thời gian học linh hoạt (Chu và cộng sự, 2010). Hệ thống học tập trực tuyến cũng có thể tự động ghi lại các hoạt động học tập của sinh viên, cho phép giảng viên nắm bắt điều kiện học tập và hiệu suất của sinh viên thông qua hồ sơ tham gia. Vì dạy học theo lớp học đảo ngược nhấn mạnh hoạt động giảng dạy thực tế thông qua giảng dạy trực tuyến bằng công cụ số trước khi lên lớp, mức độ tham gia trực tuyến của sinh viên trở thành một yếu tố quan trọng, thời gian sinh viên đăng nhập vào nền tảng giảng dạy dựa trên web để xem tài liệu được sử dụng để đánh giá sự tham gia học tập.

2.3. Hiệu quả tự học

Hiệu quả tự học của cá nhân đề cập đến niềm tin của cá nhân về khả năng hoàn thành các mục

tiêu và nhiệm vụ cụ thể trong những tình huống đặc biệt. Niềm tin này ảnh hưởng đến ý tưởng, hành động, nỗ lực và sự kiên trì của một người khi gặp vấn đề hoặc trở ngại, cũng như việc lựa chọn nhiệm vụ và hiệu suất (Wang, Shannon & Ross, 2013). Hiệu quả tự học khi học tập trên web (học tập qua internet) mô tả sự tự tin của cá nhân vào khả năng làm chủ khóa học trực tuyến hoặc hoạt động học tập trên web (Chu và cộng sự, 2010). Với việc sử dụng công nghệ số trong mô hình lớp học đảo ngược, trong đó kiến thức học tập thụ động được truyền tải vượt ra ngoài chương trình chính thức, hiệu quả tự học dựa trên web có thể là yếu tố thành công chính.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này đã sử dụng các phương pháp nhằm thảo luận về tác động của việc áp dụng phương pháp học tập hợp tác kết hợp lớp học đảo ngược và phương pháp học tập hợp tác truyền thống trong dạy học môn Sinh lý trẻ em lứa tuổi Tiểu học đối với thành tích học tập, thái độ học tập hợp tác và sự hài lòng về môn học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

2.4.1. Mô hình nghiên cứu: Cấu trúc nghiên cứu bao gồm các biến độc lập, biến kiểm soát và biến phụ thuộc.

* *Biến độc lập:*

(1). *Sự tham gia học tập:* Tổng thời gian nhóm thực nghiệm đọc tài liệu trên nền tảng giảng dạy trên internet trong suốt thực nghiệm.

(2). *Hiệu quả tự học khi học tập trên web:* Điểm kiểm tra của sinh viên trên thang đo hiệu quả tự học khi học tập trên web.

(3). *Chiến lược giảng dạy:* Bao gồm “học tập hợp tác kết hợp lớp học đảo ngược” (lớp thực nghiệm) và “học tập hợp tác theo phương pháp giảng dạy truyền thống” (lớp đối chứng).

* *Biến kiểm soát:*

(1). *Nội dung giảng dạy:* nội dung gồm các chương được thiết kế và ghi lại thành video giảng dạy trên nền tảng trực tuyến. Cả hai lớp đều sử dụng cùng bộ video.

(2). *Trình độ sinh viên:* Sinh viên năm thứ 2 ngành Giáo dục Tiểu học của trường Đại học Giáo dục được chọn làm khách thể nghiên cứu. Do đó, trình độ sinh viên không có sự khác biệt lớn.

(3). *Giảng viên:* Cùng một giảng viên giảng dạy cho cả hai lớp.

(4). *Phân nhóm:* Ở lớp thực nghiệm, dựa trên điểm kiểm tra trước về phong cách nhận thức, 50% sinh viên đứng đầu được xếp vào nhóm có điểm cao và những sinh viên còn lại nằm trong nhóm có điểm thấp. Một nhóm học tập hợp tác khác được

chọn riêng từ nhóm có điểm cao và nhóm có điểm thấp, được ghép theo nhóm không đồng nhất với các phong cách nhận thức (trung bình).

*** Biến phụ thuộc:**

(1). *Thành tích học tập của môn học*: Kết quả đánh giá của sinh viên sau môn học.

(2). *Thái độ học tập hợp tác*: Điểm kiểm tra của sinh viên trên thang đo thái độ học tập hợp tác.

(3). *Sự hài lòng về môn học*: Điểm số của sinh viên trên thang đo sự hài lòng về môn học.

2.4.2. Đối tượng nghiên cứu: Vận dụng lớp học đảo ngược kết hợp học tập hợp tác.

2.4.3. Khách thể nghiên cứu: 91 sinh viên năm thứ 2 ngành Giáo dục Tiểu học, trường Đại học Giáo dục (Đại học Quốc Gia Hà Nội). Một lớp được chọn ngẫu nhiên làm lớp thực nghiệm (45 sinh viên) áp dụng phương pháp học tập hợp tác kết hợp lớp học đảo ngược và lớp còn lại làm lớp đối chứng (46 sinh viên) áp dụng phương pháp học tập hợp tác giảng dạy truyền thống.

2.4.4. Quy trình nghiên cứu: Thực nghiệm giảng dạy kéo dài 8 tuần (8 buổi học).

Giai đoạn trước khi học: 1 buổi học (3 tiết) được sử dụng để giải thích khóa học, giới thiệu và hướng dẫn sinh viên về nền tảng giảng dạy trực tuyến và hoàn thành các bài kiểm tra trước về phong cách nhận thức, hiệu quả tự học khi học trực tuyến và thái độ học tập hợp tác. Sinh viên được ghép đôi vào các nhóm không đồng nhất dựa trên thang đo phong cách nhận thức.

Trong 8 tuần tiếp theo (8 buổi học):

Lớp thực nghiệm: Sinh viên phải xem các video giảng dạy do giảng viên giao trước khi đến lớp. Để kiểm soát việc sinh viên hoàn thành video trước, giảng viên yêu cầu sinh viên trả lời 1-3 câu hỏi trên nền tảng trực tuyến sau khi xem. Trong lớp học, giảng viên chỉ giải quyết vấn đề, không giảng bài và sinh viên thảo luận nhóm, hoàn thành bài tập.

Lớp đối chứng: Trong lớp học, sinh viên được giảng viên giảng dạy và có sử dụng video như lớp thực nghiệm, sau đó trả lời các câu hỏi tương tự như lớp thực nghiệm. Sinh viên cũng tiếp tục thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập.

Sau khi hoàn thành thực nghiệm: Giảng viên thu thập dữ liệu định tính bằng bảng câu hỏi mở về nội dung bài tập và thực hành công nghệ. Buổi học cuối cùng được sử dụng để đo lường thành tích học tập, thái độ học tập hợp tác và sự hài lòng về môn học.

2.5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Nghiên cứu đã sử dụng kiểm định t mẫu độc lập và phân tích hiệp phương sai một yếu tố (ANCOVA) để phân tích dữ liệu. Các kết quả này

cung cấp cái nhìn sâu sắc về tác động của mô hình lớp học đảo ngược kết hợp học tập hợp tác.

2.5.1. Tác động của các chiến lược giảng dạy khác nhau

Thành tích học tập: Kết quả phân tích cho thấy lớp thực nghiệm có thành tích học tập trung bình là 82,36, cao hơn đáng kể so với lớp đối chứng là 78,57 ($t = -4,900$, $p < 0,001$). Điều này chứng tỏ việc áp dụng lớp học đảo ngược kết hợp học tập hợp tác thực sự có thể nâng cao thành tích học tập của sinh viên.

Sự hài lòng về môn học: Điểm trung bình về sự hài lòng với môn học của lớp thực nghiệm (99,26) cũng vượt trội đáng kể so với lớp đối chứng (92,73) ($t = -4,855$, $p < 0,001$). Kết quả này cho thấy mô hình lớp học đảo ngược kết hợp học tập hợp tác có thể thúc đẩy sự hài lòng với môn học của sinh viên.

Thái độ học tập hợp tác: Sau khi loại trừ tác động của điểm trước kiểm, thái độ học tập hợp tác của sinh viên trong lớp thực nghiệm cao hơn đáng kể so với lớp đối chứng ($F = 26,01$, $p < 0,001$). Như vậy, mô hình giảng dạy này có thể thúc đẩy đáng kể thái độ học tập hợp tác của sinh viên.

Từ dữ liệu định tính cũng cho thấy: sinh viên trong lớp thực nghiệm nhận thấy việc xem video hướng dẫn trước giúp họ có nhiều thời gian hơn để thảo luận nhóm sâu hơn trong học tập hợp tác. Kết quả này tương ứng với nhiều nghiên cứu cho thấy áp dụng lớp học đảo ngược, thông qua việc sử dụng công nghệ số, thúc đẩy học tập tích cực và tương tác giữa sinh viên và bạn học.

2.5.2. Tác động của sự tham gia học tập

Nghiên cứu cũng tìm hiểu tác động của sự tham gia học tập trong mô hình lớp học đảo ngược. Khi phân chia lớp thực nghiệm thành các nhóm có mức độ tham gia học tập cao, trung bình và thấp (dựa trên thời gian học trên nền tảng trực tuyến), kết quả cho thấy những sinh viên có sự tham gia học tập cao có kết quả học tập tốt hơn những sinh viên có sự tham gia học tập trung bình và thấp về sự hài lòng về môn học ($F = 9,43$, $p < 0,001$). Việc xem video trực tuyến vào thời gian rảnh rỗi trước khi đến lớp thực sự có thể nâng cao sự hài lòng trong học tập. Tuy nhiên, không có sự khác biệt đáng kể nào giữa các mức độ tham gia học tập với thái độ học tập hợp tác ($F = 0,7$, $p > 0,05$). Điều này có thể là do những sinh viên tham gia cao thường xem video và hiểu bài tốt hơn, dẫn đến hoàn thành bài tập nhanh chóng và cảm giác đạt được thành tích cao hơn, ảnh hưởng đến thành tích học tập và sự hài lòng mà không nhất thiết ảnh hưởng đến thái độ hợp tác chung.

2.5.3. Tác động của hiệu quả tự học trên web

Phân tích cũng tập trung vào tác động của hiệu quả tự học trên web. Kết quả cho thấy sự khác biệt đáng kể về hiệu quả tự học trên web trong thành tích học tập ($F = 8,06$, $p < 0,001$). Cụ thể, những người có hiệu quả tự học trên web cao thể hiện thành tích học tập tốt hơn những người có hiệu quả tự học trên web thấp. Hơn nữa, những người có hiệu quả tự học trên web cao cũng vượt trội hơn những người có hiệu quả tự học trên web trung bình và thấp về sự hài lòng với môn học (F

$= 16,63$, $p < 0,001$). Điều này cho thấy hiệu quả tự học trên web trong lớp học đảo ngược ảnh hưởng đáng kể đến thành tích học tập và sự hài lòng về môn học của sinh viên. Tương tự như sự tham gia học tập, hiệu quả tự học dựa trên web không có sự khác biệt đáng kể về thái độ học tập hợp tác. Điều này phù hợp với quan điểm sinh viên có sự tự tin cao vào khả năng hoàn thành các nội dung học tập trực tuyến sẽ có cảm giác thành tích cao hơn, dẫn đến thành tích học tập và sự hài lòng tốt hơn.

Bảng. Phân tích sự hài lòng về môn học theo hiệu quả tự học trên web

	Nhóm hiệu quả tự học trên web	Số lượng	M	SD	F	p	Kết quả
Sự hài lòng về môn học	Cao	15	98,35	6,23	16,63	< 0,001	Cao > Trung bình Cao > Thấp Trung bình > Thấp
	Trung bình	15	86,27	7,36			
	Thấp	15	84,78	7,54			

III. KẾT LUẬN

Sự kết hợp giữa mô hình lớp học đảo ngược và học tập hợp tác là một chiến lược giảng dạy hiệu quả. Nghiên cứu được thực hiện trong môn Sinh lý trẻ em lứa tuổi Tiểu học đã chứng minh rằng mô hình này có thể nâng cao đáng kể thành tích học tập, sự hài lòng với môn học và thái độ học tập hợp tác của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Bên cạnh đó, mức độ tham gia học tập cao và hiệu quả tự học trên web cũng được chứng minh là có tác động tích cực đáng kể đến thành tích học tập và sự hài lòng về môn học. Mặc dù có những ưu điểm rõ ràng, việc triển khai mô hình lớp học đảo ngược đòi hỏi sự đầu tư lớn về thời gian và nguồn lực để tạo ra các tài liệu trực tuyến hoặc video hướng dẫn chất lượng. Để khắc phục hạn chế này, việc chuẩn bị bài học chung giữa các giảng viên cùng môn học

có thể là một phương pháp hiệu quả, giảm đáng kể thời gian chuẩn bị và nâng cao chất lượng tài liệu. Ngoài ra, để đảm bảo sinh viên thực sự xem video trên nền tảng web trước khi học, giảng viên cần xây dựng các cơ chế khuyến khích và xác nhận, chẳng hạn như yêu cầu trả lời câu hỏi hoặc viết ý kiến sau khi xem. Cuối cùng, việc đảm bảo tất cả sinh viên có quyền truy cập internet ngoài lớp học để xem tài liệu là rất quan trọng để hoạt động dạy học diễn ra hiệu quả. Kết quả nghiên cứu cũng cung cấp những hiểu biết sâu sắc về tiềm năng của mô hình lớp học đảo ngược kết hợp với học tập hợp tác. Mặc dù nghiên cứu cụ thể này được thực hiện trong môn Sinh lý trẻ em lứa tuổi Tiểu học ở sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học nhưng các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu có thể được áp dụng cho các môn học khác và sinh viên ngành học khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baker, J. W. (2000). The "classroom flip": Using web course management tools to become the guide by the side. In J. A. Chambers (Ed.), Selected papers from the 11th International Conference on College Teaching and Learning (pp. 9-17). Jacksonville, FL: Florida Community College at Jacksonville.
- Chu, H. C., Hwang, G. J., Tsai, C. C., & Tseng, J. C. R. (2010). A two-tier test approach to developing location-aware mobile learning systems for natural science courses. *Computers & Education*, 55(4), 1618-1627.
- Flumerfelt, S., & Green, G. (2013). Using lean in the flipped classroom for at risk students. *Educational Technology and Society*, 16(1), 356-366.
- Jensen, J. L., Kummer, T. A., & Godoy, P. D. D. M. (2015). Improvements from a flipped classroom may simply be the fruits of active learning. *CBE -- Life Sciences Education*, 14(1), 1-12.
- Kong, S. C. (2014). Developing information literacy and critical thinking skills through domain knowledge learning in digital classrooms: An experience of practicing flipped classroom strategy. *Computers & Education*, 78, 160-173.
- Moraros, J., Islam, A., Yu, S., Banow, R., & Schindelka, B. (2015). Flipping for success: Evaluating the effectiveness of a novel teaching approach in a graduate level setting. *BMC Medical Education*, 15(1), 27-27.
- O'Flaherty, J., & Phillips, C. (2015). The use of flipped classrooms in higher education: A scoping review. *The Internet and Higher Education*, 25, 85-95.
- Wang, C. H., Shannon, D. M., & Ross, M. E. (2013). Students' characteristics, self-regulated learning, technology self-efficacy, and course outcomes in online learning. *Distance Education*, 34(3), 302-323.
- Wong, T. H., Ip, E. J., Lopes, I., & Rajagopalan, V. (2014). Pharmacy students' performance and perceptions in a flipped teaching pilot on cardiac arrhythmias. *American journal of pharmaceutical education*, 78(10), 1-5.
- Wu, T. J., & Tai, Y. N. 2016. Effects of multimedia information technology integrated multi-sensory instruction on students' learning motivation and outcome. *EURASIA Journal of Mathematics, Science and Technology Education*, 12(4), 1065-1074.